TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2024
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Trần Văn Học

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Văn Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Ph, sinh năm 1970. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Khu phố B, phường AB, thị xã DA, tỉnh B. Nơi ở hiện tại: Tổ 4, khu phố Ô, phường T, thị xã TU, tỉnh B.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1971. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn LH, xã YP, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn ông Đỗ Văn Ph trình bày:

Ông và bà Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YP ngày 08 tháng 6 năm 1990. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên ông không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn bản chính mà chỉ còn bản phô tô. Ông đã đến Ủy ban nhân dân xã YP để xin trích lục nhưng Ủy ban nhân dân xã YP không lưu được sổ theo dõi nên ông không có để cung cấp. Ngày cưới, vợ chồng ông ra ở riêng ngay mà không chung sống cùng gia đình ông. Năm 1998, ông và bà Ng chuyển vào tỉnh B làm ăn, sinh sống. Tình cảm bình

thường đến khoảng năm 2008-2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do việc làm ăn bị vỡ nợ, vợ chồng do vậy hay xảy ra cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2009. Đến năm 2015, bà Ng bỏ về xã YP sinh sống. Từ khi ly thân, hai bên không có dàn xếp gì để hàn gắn tình cảm. Ông Ph xác định tình cảm không còn, yêu cầu được ly hôn bà Ng.

Về con chung: Ông và bà Ng có 04 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 15/6/1992, Đỗ Thị H1, sinh ngày 09/11/1994, Đỗ Văn H2, sinh ngày 23/7/1999 và Đỗ Thị Mai H3, sinh ngày 27/11/2001. Hiện chị H, chị H1, chị H3 đã trưởng thành, lập gia đình riêng. Anh H2 đang ở với ông Ph. Các anh, chị đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên ly hôn, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10/11/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà xác nhận quá trình bà và ông Ph kết hôn và chung sống như ông Ph trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Khoảng năm 2013, 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Ph có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ tên Phạm Thị H, sinh năm 1982 hoặc 1983, quê quán tại tỉnh TB (bà không rõ địa chỉ cụ thể). Bà đã khuyên nhủ nhưng ông Ph không thay đổi, còn đánh đập bà, thỉnh thoảng bỏ nhà đi, không quan tâm đến bà và các con. Do ông Ph không thay đổi nên tháng 6/2015, bà đã bỏ về YP và sống ly thân với ông Ph. Từ khi ly thân, không có dàn xếp gì để hàn gắn tình cảm. Bà xác định vẫn còn tình cảm với ông Ph, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Ng xác nhận vợ chồng có 04 con chung như ông Ph trình bày là đúng. Các con bà đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân được nên trường hợp ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Do không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xác minh tại UBND xã YP thể hiện: Ông Đỗ Văn Ph và bà Nguyễn Thị Ng là vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay, UBND xã YP không còn lưu được sổ đăng ký kết hôn thời điểm đó nên không xác định được ông Ph, bà Ng đăng ký kết hôn ngày tháng năm nào. Về hình thức giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/6/1990 ông Ph giao nộp cho Tòa án là phù hợp với hình thức giấy chứng nhận kết hôn thời điểm năm 1990 theo quy định của pháp luật. Ông bà sinh sống cùng nhau tại thôn LH từ năm 1990 đến khoảng năm 1998, ông bà đi làm ăn tại tỉnh B. Đến khoảng giữa năm 2015, bà Ng trở về và sinh sống tại địa phương nhưng địa phương không thấy ông Ph về chung sống cùng bà Ng. Từ đó tới nay, chỉ khi gia đình có công việc gì thì ông Ph mới về rồi đi ngay mà không chung sống cùng bà Ng. Do thời gian ông

bà sinh sống tại địa phương đã lâu nên giữa ông bà có mâu thuẫn gì địa phương cũng không nắm được.

Về con chung: Ông Ph, bà Ng có 04 con chung là Đỗ Thị H, sinh năm 1992, Đỗ Thị H1, sinh năm 1994, Đỗ Văn H2, sinh năm 1999 và Đỗ Thị Mai H3, sinh năm 2001. Các con của ông Ph, bà Ng đều đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống được bản thân.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn Ph, xử cho ông Đỗ Văn Ph ly hôn bà Nguyễn Thị Ng; Về án phí: Ông Ph phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Văn Ph có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng, bà Ng hiện trú tại thôn LH, xã YP, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, ông Đỗ Văn Ph có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị Ng nhưng bà Ng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Ông Đỗ Văn Ph và bà Nguyễn Thị Ng đều xác định ông bà được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã YP, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Mặc dù, ông Ph không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, UBND xã YP cũng không còn lưu giữ được sổ theo dõi để chứng minh việc hai ông bà có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, qua xác minh, UBND xã YP xác định ông Ph, bà Ng là vợ chồng, hình thức giấy chứng nhận kết hôn bản phô tô ông Ph giao nộp cho Tòa án phù hợp với mẫu giấy chứng nhận kết

hôn thời điểm năm 1990. Từ các căn cứ trên chứng minh quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông Ph và bà Ng là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua trình bày của các bên thì giữa bà Ng và ông Ph có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay, kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến thời điểm xét xử bà Ng và ông Ph vẫn không hàn gắn được tình cảm. Ông Ph kiên quyết xin ly hôn, bà Ng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông Ph có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà Ng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, không lên Tòa án để làm việc, hòa giải theo yêu cầu. Xét thấy, ông bà đã ly thân thời gian rất dài, từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, các bên cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Ph và bà Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Ph, cho ông Ph ly hôn bà Ng là phù hợp.

Về con chung: Ông Ph, bà Ng xác định có 04 con chung là Đỗ Thị H, sinh năm 1992, Đỗ Thị H1, sinh năm 1994, Đỗ Văn H2, sinh năm 1999 và Đỗ Thị Mai H3, sinh năm 2001. Các anh, chị đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân. Ly hôn, ông Ph, bà Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông Ph xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ông Đỗ Văn Ph được ly hôn bà Nguyễn Thị Ng.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số: 0003008 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Ông Ph đã thực hiện xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn Ph, bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã YP;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hưng